

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng năm 2017 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay của các nhà tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 27/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng" giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập Ban quản lý Chương trình "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng" tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/7/2013; Quyết định số 300/QĐ-BNN-HTQT ngày 25/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc gia hạn thời gian thực hiện Chương trình UN-REDD;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2017 cho Ban quản lý Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II;

Căn cứ Văn bản số 30/UN-REDD-VP ngày 06/3/2017 của Ban quản lý Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II về việc thông báo phân bổ ngân sách dự kiến năm 2017 cho Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 40/TTr-SNN ngày 13/3/2017,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch chi tiết thực hiện Chương trình "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng" năm 2017 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Tổng kinh phí: 12.567.270.363 đồng (tương đương 563.555 USD); trong đó:

1. Nguồn vốn ODA hỗ trợ không hoàn lại của Chương trình:

a) Tổng số: 12.267.270.363 đồng (tương đương 550.102 USD); trong đó:

- Kế hoạch phân bổ năm 2017: 10.387.025.793 đồng (tương đương 465.786 USD);

- Kế hoạch năm 2016 chuyển sang: 1.880.244.570 đồng (tương đương 84.316 USD).

b) Phân bổ cho các hợp phần:

*b1. Hợp phần 2:* Xây dựng các kế hoạch hành động REDD<sup>+</sup> và triển khai thực hiện với 04 kết quả đầu ra và 10 Mã hoạt động. Nguồn vốn ODA (UNDP, UNEP và FAO) hỗ trợ không hoàn lại của Chương trình: 12.044.270.363 đồng (tương đương 540.102 USD).

*b2. Hợp phần 3:* Hệ thống giám sát tài nguyên rừng quốc gia để giám sát và phục vụ MRV và hệ thống thông tin REDD<sup>+</sup> quốc gia về đảm bảo an toàn được vận hành; thực hiện hoạt động thí điểm các phương pháp và hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tỉnh cập nhật các thay đổi về dữ liệu tài nguyên rừng hàng năm). Nguồn vốn ODA (FAO) năm 2016 chuyển sang: 223.000.000 đồng (tương đương 10.000 USD).

(Chi tiết các hoạt động theo phụ biểu đính kèm)


2. Vốn đối ứng:

Tổng kinh phí 300.000.000 đồng (tương đương 13.453 USD); trong đó:

- Lương nhiệm vụ và các khoản phụ cấp: 182.853.450 đồng.

- Chi hoạt động thường xuyên: 117.146.550 đồng.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý Chương trình UN-REDD giai đoạn II tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo nội dung phê duyệt tại Điều 1 quyết định này đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và của Nhà tài trợ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Chương trình UN-REDD giai đoạn II tỉnh Lâm Đồng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./- 

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BQL Chương trình UN REDD Việt Nam giai đoạn II (P041- số 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội);
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Lưu: VT, LN, TC, KH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm S**



**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NĂM 2017**

**TRÌNH UN-REDD VIỆT NAM - GIAI ĐOẠN II TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Định kỳ theo Quy định số 598 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Kết quả/Đầu ra	Mã hoạt động	HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN		KINH PHÍ DỰ KIẾN				
		Hoạt động dự kiến của toàn chương trình	Hoạt động dự kiến của PMU/CIPs/PPMUs	Dòng ngân sách	Ngân sách năm 2016 chuyển sang (USD)	Ngân sách mới đề xuất cho năm 2017 (USD)	Tổng cộng (USD)	Tổng cộng (VNĐ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Hợp phần 2: 06 tỉnh thí điểm có thể xây dựng các kế hoạch hành động REDD+ và triển khai thực hiện</b>								
<b>Đầu ra 2.1 (UNDP)</b> Thế chế REDD+ ở 06 tỉnh thí điểm được thiết lập và REDD+ được lồng ghép vào KHBVPTR	2.1.8	Chi phí vận hành PPMU (lương cán bộ, đi lại, thiết bị, dự phòng)	Chi phí vận hành PPMU (lương cán bộ, đi lại, thiết bị, dự phòng)	Nhân sự		83.333	83.333	1.858.325.900
				<b>Tổng</b>		<b>83.333</b>	<b>83.333</b>	<b>1.858.325.900</b>
<b>Đầu ra 2.2 (UNEP)</b> Nhận thức về ĐCKH và REDD+ của các cấp tỉnh, huyện, xã và các bên liên quan khác ở 06 tỉnh thí điểm được nâng cao	2.2.1	Xây dựng và điều chỉnh các loại tài liệu truyền thông và nâng cao nhận thức để sử dụng ở cấp tỉnh và cấp cơ sở	In ấn sản phẩm truyền thông	Nhân sự, Dịch vụ hợp đồng, Thiết bị		8.000	8.000	178.400.000
	2.2.2	Triển khai các biện pháp nâng cao nhận thức và tập huấn để hỗ trợ tiến trình triển khai PRAP và SiRAP (ít nhất 04 sự kiện cấp tỉnh cho các bên liên quan chính)	Tổ chức 03 sự kiện (triển khai các biện pháp nâng cao nhận thức và tập huấn để hỗ trợ tiến trình triển khai PRAP và SiRAP)	hợp/hội thảo		9.667	9.667	215.574.100
	2.2.4	Tăng cường vai trò và chức năng của mạng lưới REDD+ cấp tỉnh - 06 sự kiện hoặc hội thảo (01 sự kiện mỗi tỉnh) (ít nhất 06 khoá tập huấn cho các tỉnh) Các nhóm nông cốt truyền thông cấp tỉnh trở thành các cán bộ tập huấn về REDD+	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực truyền thông mạng lưới truyền thông cấp tỉnh	hợp/hội thảo		2.000	2.000	44.600.000
				<b>Tổng</b>		<b>19.667</b>	<b>19.667</b>	<b>438.574.100</b>



Kết quả/Đầu ra	Mã hoạt động	HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN		KINH PHÍ DỰ KIẾN				
		Hoạt động dự kiến của toàn chương trình	Hoạt động dự kiến của PMU/CIPs/PPMUs	Dòng ngân sách	Ngân sách năm 2016 chuyển sang (USD)	Ngân sách mới đề xuất cho năm 2017 (USD)	Tổng cộng (USD)	Tổng cộng (VNĐ)
Đầu ra 2.4 (FAO) Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh được triển khai thực hiện (bao gồm Đầu ra 2.5 Công tác giao đất giao rừng ở 06 tỉnh thí điểm được cải thiện)	2.4.1	Triển khai các hoạt động ưu tiên trong PRAP đã được phê duyệt cho năm 2017 (một số hoạt động tiếp tục từ năm 2016)	Gói thầu số 11: "Mô hình hợp tác quản lý nâng cao chất lượng triển khai chính sách chỉ trả dịch vụ môi trường rừng" (theo QĐ 1455/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng)	Chuyển cho PMU/PPMUs Tư vấn trong nước/quốc tế Dịch vụ	5.067		5.067	112.994.100
			Gói thầu số 14: "Đánh giá tình hình giao rừng cộng đồng ở Lâm Đồng" (theo QĐ 1455/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng)	Chuyển cho PMU/PPMUs Tư vấn trong nước/quốc tế Dịch vụ	6.780		6.780	151.194.000
			- Hỗ trợ giống cây Lâm nghiệp, trồng rừng che bóng trên diện tích lâm chiếm trái phép trồng cà phê tại Ban QLRPH Tân Thượng, huyện Di Linh - 40.000 USD - Hỗ trợ mô hình phát triển LSNG trồng Mây dưới tán rừng ở Đạ Huoai - 15.000 USD - Hỗ trợ công ty Lâm nghiệp Di Linh và Công ty lâm nghiệp Bảo Lâm về tiến trình QLRBV và chứng chỉ rừng - 45.000 USD	Chuyển kinh phí cho PMU/PPMUs Các hợp đồng dịch vụ		100.000	100.000	2.230.000.000

Kết quả/Đầu ra	Mã hoạt động	HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN		KINH PHÍ DỰ KIẾN					
		Hoạt động dự kiến của toàn chương trình	Hoạt động dự kiến của PMU/CIPs/PPMUs	Dòng ngân sách	Ngân sách năm 2016 chuyển sang (USD)	Ngân sách mới đề xuất cho năm 2017 (USD)	Tổng cộng (USD)	Tổng cộng (VNĐ)	
Đầu ra 2.3 (UNDP) Các kế hoạch hành động REDD+ cấp cơ sở (SiRAP) và cấp tỉnh (PRAP) ở 6 tỉnh thí điểm được hoàn thiện và phê duyệt	2.3.8	Giám sát và đánh giá SiRAP có lồng ghép chia sẻ lợi ích	Giám sát và đánh giá 09 Kế hoạch cấp cơ sở (bao gồm cấp xã, các Ban quản lý rừng và các Công ty lâm nghiệp) được xây dựng và phê duyệt.	CIP: NIAPP	3.123	106	3.229	72.006.700	
				<b>Tổng</b>	<b>3.123</b>	<b>106</b>	<b>3.229</b>	<b>72.006.700</b>	
Đầu ra 2.4 (UNDP) Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh được triển khai thực hiện	2.4.2	Triển khai các hoạt động ưu tiên năm 2017 (năm triển khai thứ 3) trong các SiRAP được phê duyệt trong năm 2015	Thực hiện RJA Đa Huoai và Sêrêpôk; hỗ trợ kinh phí thực hiện phương án trồng cây lâm nghiệp trên rẫy cà phê	SiRAPs		43.544	43.544	971.025.179	
		2.4.7	Hỗ trợ cho các cán bộ thúc đẩy của các PPMU (tối đa 03 cán bộ mỗi tỉnh - tổng ngân sách 10.000 USD mỗi tỉnh)	Hỗ trợ cho các cán bộ thúc đẩy của PPMU tỉnh Lâm Đồng	Nhân sự		10.000	10.000	223.000.000
			2.4.8	Triển khai các hoạt động ưu tiên trong các SiRAP trong năm 2016 (năm thực hiện thứ 2) có lồng ghép chia sẻ lợi ích	Triển khai SiRAP/BDS ở 03 Ban quản lý rừng: Nam Ban, Lán Tranh và Tân Thượng	SiRAPs	2.092	209.136	211.228
		<b>Tổng</b>		<b>2.092</b>	<b>262.680</b>	<b>264.772</b>	<b>5.904.411.363</b>		
			Gói thầu số 10: "Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng và điều chỉnh ranh giới, diện tích quản lý rừng đất lâm nghiệp của các đơn vị chủ rừng nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020"	Chuyển cho PMU/PPMUs Tư vấn trong nước/quốc tế Dịch vụ	47.254		47.254	1.053.764.200	

Kết quả/Đầu ra	Mã hoạt động	HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN		KINH PHÍ DỰ KIẾN				
		Hoạt động dự kiến của toàn chương trình	Hoạt động dự kiến của PMU/CIPs/PPMUs	Dòng ngân sách	Ngân sách năm 2016 chuyển sang (USD)	Ngân sách mới đề xuất cho năm 2017 (USD)	Tổng cộng (USD)	Tổng cộng (VNĐ)
	2.4.5	Tiếp tục hỗ trợ các công ty Lâm nghiệp về tiến trình QLRBV và chứng chỉ rừng bắt đầu từ năm 2015 (tiếp theo năm 2016)	Tiếp tục hỗ trợ công ty Lâm nghiệp Di Linh và Công ty lâm nghiệp Bảo Lâm về tiến trình QLRBV và chứng chỉ rừng bắt đầu từ năm 2015 (tiếp theo năm 2016)	Chuyển cho PMU/PPMUs Tư vấn trong nước/quốc tế Dịch vụ	10.000		10.000	223.000.000
				<b>Tổng</b>	<b>69.101</b>	<b>100.000</b>	<b>169.101</b>	<b>3.770.952.300</b>
<b>Tổng Hợp phần 2</b>					<b>74.316</b>	<b>465.786</b>	<b>540.102</b>	<b>12.044.270.363</b>
<b>Hợp phần 3 (FAO): Hệ thống giám sát TNR quốc gia để giám sát và phục vụ MRV và hệ thống thông tin REDD+ quốc gia về đảm bảo an toàn được vận hành</b>								
Đầu ra 3.2 (FAO) Hệ thống giám sát tài nguyên rừng: hệ thống giám sát diễn biến tài nguyên rừng được xây dựng	3.2.2	Thí điểm các phương pháp và hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tỉnh cập nhật các thay đổi về dữ liệu tài nguyên rừng hàng năm	Triển khai ứng dụng di động FRMS ở 06 tỉnh	Chuyển kinh phí cho PMU/PPMUs	10.000		10.000	223.000.000
				<b>Tổng</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>	<b>223.000.000</b>
<b>Tổng Hợp phần 3</b>					<b>10.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>	<b>223.000.000</b>
<b>Tổng vốn ODA</b>					<b>84.316</b>	<b>465.786</b>	<b>550.102</b>	<b>12.267.270.363</b>
<b>Tổng vốn đối ứng</b>						<b>13.453</b>	<b>13.453</b>	<b>300.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>					<b>84.316</b>	<b>479.239</b>	<b>563.555</b>	<b>12.567.270.363</b>

V.M.Đ